

Số : 10 /CT-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 1989

CHỈ THỊ

**V/v triển khai thực hiện Nghị định số 12/HĐBT
ngày 1 tháng 2 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng về
thủ tục kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.**

Ngày 1 tháng 2 năm 1989, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 12/HĐBT về thủ tục kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài tiến hành trước cơ quan có thẩm quyền của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để triển khai thực hiện nghị định này, ngày 4 tháng 3 năm 1989, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì cuộc họp với đại diện các ngành Ngoại vụ, Tư pháp, Y tế, Công an thành phố, Ban Việt kiều thành phố bàn và nhất trí giải quyết cho người nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam thường trú ở thành phố, như sau :

1/ Người nước ngoài (bao gồm người có quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch) có đủ những điều kiện kết hôn theo pháp luật của nước mà người đó là công dân, hoặc theo pháp luật của nước mà người đó thường trú vào thời điểm xin đăng ký kết hôn (đối với người không quốc tịch) và theo những quy định ở các điều 5, 6, 7 luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, thì có thể được đăng ký kết hôn với công dân Việt Nam thường trú ở thành phố.

Nếu người nước ngoài là công dân của nước đã có ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp với Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc tuân theo những quy định của Hiệp định đó về điều kiện kết hôn là đủ.

Người xin đăng ký kết hôn, mỗi bên (bên nam, bên nữ) phải làm đơn, kèm hồ sơ để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

Hồ sơ xin đăng ký kết hôn với người nước ngoài gồm có :

1/ Đơn xin đăng ký kết hôn (theo mẫu quy định riêng).

2/ Giấy chứng nhận của chính quyền cơ sở nơi đương sự thường trú xác nhận tình trạng hôn nhân (chưa có chồng, chưa có vợ, hoặc đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết).

3/ Bản sao giấy khai sinh.

4/ Giấy của cơ quan y tế (trung tâm sức khỏe tâm thần và Bệnh viện Da Liễu thành phố) chứng nhận hiện tại không bị bệnh tâm thần, hoa liễu (đối với bên là công dân Việt Nam); không bị bệnh tâm thần, hoa liễu, SIDA (đối với bên là người nước ngoài).

5/ Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú (đối với bên công dân Việt Nam) hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp lệ khác thay thế (đối với bên là người nước ngoài).

6/ Đối với bên là người nước ngoài, còn phải nộp :

- Giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân hoặc nước mà người đó thường trú vào thời điểm xin đăng ký kết hôn (đối với người không quốc tịch) xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn và việc kết hôn với công dân Việt Nam không bị cản trở và được thừa nhận ở nước họ là hợp pháp và hợp thức.

- Giấy cho phép kết hôn với công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp, nếu pháp luật của nước hoặc hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài tương ứng quy định việc cấp phép đó.

Những giấy tờ của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Sở Ngoại vụ) công nhận là có giá trị, và phải có bản dịch ra tiếng Việt, được cơ quan công chứng Việt Nam (Phòng công chứng Nhà nước thành phố) chứng nhận là dịch đúng bản gốc.

7/ Đối với bên công dân Việt Nam là cán bộ công nhân viên (đang công tác tại các cơ quan, đơn vị xí nghiệp, trường học...) phải có ý kiến xác nhận của lãnh đạo cơ quan, đơn vị là việc kết hôn không trở ngại đến công tác.

Trường hợp công dân Việt Nam đã tốt nghiệp đại học trở lên mà hiện đang công tác do cấp sở, ngành quản lý hoặc thuộc diện văn nghệ sĩ, vận động viên cấp thành phố, thì phải có ý kiến của Ban Giám đốc sở, ngành chủ quản xác nhận việc kết hôn của họ với người nước ngoài không gặp trở ngại.

Trường hợp đang phục vụ trong quân đội, hoặc trong các ngành có liên quan đến bí mật quốc gia, thì phải tuân theo quy định của ngành.

Thủ tục và quy trình giải quyết việc người nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam thường trú ở thành phố được quy định cụ thể như sau :

1/ Hồ sơ xin đăng ký kết hôn của người nước ngoài lập thành 3 bộ, nộp tại Sở Ngoại vụ (Phòng lãnh sự).

Sở Ngoại vụ sau khi soát xét đủ thủ tục theo quy định, sẽ chuyển hồ sơ sang Sở Tư pháp với ý kiến đề xuất của mình.

2/ Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ của Sở Ngoại vụ chuyển sang và trao đổi với Công an thành phố (Phòng quản lý người nước ngoài và xuất nhập cảnh).

3/ Sau đó, Sở Tư pháp thẩm tra toàn bộ hồ sơ, tập hợp ý kiến của các ngành chức năng, báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố xét, quyết định.

4/ Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố xét và cho phép kết hôn, Sở Tư pháp sẽ tiến hành tổ chức việc đăng ký kết hôn cho các đương sự tại trụ sở của cơ quan (ghi vào sổ kết hôn theo mẫu quy định chung, và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho các đương sự).

5/ Thời hạn giải quyết hồ sơ xin đăng ký kết hôn với người nước ngoài : tối đa là 3 tháng (kể từ ngày nhận hồ sơ).

6/ Về thu nộp ngân sách xây dựng thành phố, Sở Tư pháp thành phố được phép thu của người nước ngoài là 100 (một trăm) đôla Mỹ (hoặc các loại tiền khác có giá trị tương đương) cho mỗi trường hợp và nộp số tiền này vào tài khoản ngoại tệ của Ủy ban nhân dân thành phố (TK 9946). Sở Tài chính trích 30% số tiền đó quy ra đồng Việt Nam, giao lại Sở Tư pháp để phục vụ cho các công tác liên quan (sổ sách, hồ sơ, tổ chức đăng ký kết hôn v.v...).

Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp thông báo công khai trước cơ quan các quy định trong chỉ thị này.

Sở Tư pháp là đầu mối thực hiện các thủ tục đăng ký kết hôn với người nước ngoài, phải thường xuyên theo dõi, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác này trên địa bàn thành phố.-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Chánh